

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**NĂM 2022***(Kèm theo Quyết định số 2599/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2022)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí; thu khác	1,271
1	Số thu phí, lệ phí; thu khác	1,271
1.1	Dịch vụ công	1,271
	- Dịch vụ giáo dục (học phí)	1,271
1.2	Thu khác	-
	- Dạy thêm, học thêm	
	- Căn tin, giữ xe	
	- Nghề phổ thông	
	- Tiếng Khmer	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại; thu khác	1,271
2.1	Dịch vụ công	1,271
	- Dịch vụ giáo dục (học phí)	1,271
2.2	Thu khác	-
	- Dạy thêm, học thêm	
	- Căn tin, giữ xe	
	- Nghề phổ thông	
	- Tiếng Khmer	
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
2.1	Dịch vụ công	
	- Dịch vụ giáo dục (học phí)	
2.2	Thu khác	-
	- Dạy thêm, học thêm	
	- Căn tin, giữ xe	
	- Nghề phổ thông	
	- Tiếng Khmer	
II	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7,048
1	Loại 070 khoản 074	6,959
1.1	Kinh phí nhiệm thường xuyên	6,951
	<i>a. Nhóm chi con người</i>	5,679
	- Lương biên chế	5,554
	- Lương hợp đồng Nghị định 68	125
	- Lương do chênh lệch chế giao so với thực tế có mặt	
	- Lương do chênh lệch Nghị định 68 giao so với thực tế có mặt	



STT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Nâng lương, phụ cấp TNVK, TNNG...	
	- Nghị định 61 và ND 76	
	b. Nhóm chi hoạt động	1,272
	- Hoạt động/lương biên chế	1,142
	- Hoạt động/chênh lệch biên chế	
	lương	130
	Trong đó: Đã trích tiết kiệm 40% số thu HP thực hiện cải cách tiền lươ	508
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8
	- Hỗ trợ sinh hoạt hè	8
	- Học bổng học sinh	
	- Học phẩm học sinh	
	- Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất	
2	Loại 070 khoản 075	89
	- Cấp bù miễn giảm học phí	70
	- Hỗ trợ chi phí học tập	19
	Trong đó: Phải trích 40% thực hiện cải cách tiền lương	28

Châu Phong, ngày 15 tháng 9 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đỗ Trung Nghĩa

